

Số: 434 /BC-UBND

Bình Phước, ngày 03 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bình Phước

Căn cứ Báo cáo số 46/BC-HĐND-PC ngày 21/11/2024 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh thẩm tra về các dự thảo Nghị quyết do UBND tỉnh trình tại kỳ họp thứ 18 cuối năm 2024, HĐND tỉnh khóa X (mục 5 Báo cáo số 46/BC-HĐND-PC thẩm tra dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bình Phước);

Tiếp theo Tờ trình số 155/TTr-UBND ngày 18/11/2024 của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bình Phước;

Trên cơ sở đề nghị của Hội Nông dân tỉnh tại Tờ trình số 65-TTr/HNDT ngày 30/11/2024; ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3558/SKHĐT-ĐT ngày 26/11/2024; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 4095/STC-HCSN ngày 27/11/2024; ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 2807/STP-PC ngày 27/11/2024,

UBND tỉnh báo cáo việc tiếp thu, giải trình, điều chỉnh theo ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bình Phước, như sau:

1. Nội dung thứ nhất

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh:** Tên gọi của Đề án và dự thảo Nghị quyết: Đề nghị điều chỉnh tên gọi là: “Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bình Phước” cho phù hợp với thẩm quyền của HĐND tỉnh quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Tiếp thu và đã chỉnh sửa tại dự thảo Nghị quyết và dự thảo Đề án, thêm chữ “của” vào tên gọi của Đề án và dự thảo Nghị quyết, thành: “Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bình Phước”.

2. Nội dung thứ hai

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh :** Đề nghị bổ sung các cơ sở chính trị (Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới; Quyết định số 182/QĐ- TTg ngày 20/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”) và bổ sung các cơ sở pháp lý (Luật Đầu tư công năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ- CP ngày 06/4/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công) vào dự thảo Đề án.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Tiếp thu và đã chỉnh sửa tại dự thảo Nghị quyết (bổ sung cơ sở pháp lý) và bổ sung vào Phần thứ nhất của Đề án (theo nội dung Đề án đã được cơ cấu lại).

3. Nội dung thứ ba

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh:** Đề nghị cơ cấu lại bố cục Đề án đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 26/4/2023 của Chính phủ.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Tiếp thu và đã chỉnh sửa.

4. Nội dung thứ tư

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh:** Tại điểm c, mục 1.2 đề nghị quy định người đại diện pháp luật: Là Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh cho phù hợp với quy định.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Tiếp thu và đã chỉnh sửa tại điểm c, mục 1.2 phần I thuộc Phần thứ ba của Đề án (theo nội dung Đề án đã được cơ cấu lại).

5. Nội dung thứ năm

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh:** Tại mục 5. Quy định về cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh: Đề nghị bổ sung một mục về cơ cấu tổ chức gồm: Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Ban điều hành gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Đã tiếp thu và chỉnh sửa đoạn đầu của mục 5 phần I thuộc Phần thứ ba của Đề án (theo nội dung Đề án đã được cơ cấu lại).

6. Nội dung thứ sáu

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh:** Tại mục 5. 3. Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh: đề nghị quy định thống nhất bố cục theo trình tự quy định tiêu chuẩn, điều kiện trước, tiếp theo quy định về nhiệm vụ.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Tiếp thu và đã chỉnh sửa.

7. Nội dung thứ bảy

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh:** Tại mục 6.1. Đề nghị bổ sung phương án về nguồn vốn hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân trong 05 năm tiếp theo của nguồn vốn tự vận động ngoài ngân sách.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục 6.3 phần I thuộc Phần thứ ba của Đề án (theo nội dung Đề án đã được cơ cấu lại), cụ thể: “*Giai đoạn tiếp theo, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh tăng cường các hoạt động kêu gọi ủng hộ từ các tổ chức, cá nhân; đồng thời xây dựng kế hoạch hoạt động tài chính hiệu quả để bổ sung nguồn vốn hoạt động, đảm bảo đúng quy định của pháp luật*”.

8. Nội dung thứ tám

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh:** Tại mục 6.2. Về kế hoạch vốn, đề nghị cơ quan trình Đề án xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định, vì trong Tờ trình số 155/TTr-UBND ngày 18/11/2024 của UBND tỉnh chưa thể hiện rõ nội dung này.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh trong Đề án đã được UBND tỉnh báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định, cụ thể: Trên cơ sở Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 20/11/2024 của



UBND tỉnh về việc thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025; ngày 22/11/2024, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh đã ban hành Tờ trình 1079-TTr/BCSD trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xin cho ý kiến thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, trong đó bổ sung vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách địa phương, với số vốn 02 tỷ 500 triệu đồng.

9. Nội dung thứ chín

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh:** Đối với dự kiến phương án hoạt động, quản lý tài chính. Đề nghị cơ quan trình dự thảo Đề án bổ sung và thực hiện theo điểm k khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Tiếp thu và bổ sung Phụ lục dự kiến phương án hoạt động, quản lý tài chính của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bình Phước, năm 2025 và giai đoạn 2026-2030. *(Do hoạt động, quản lý tài chính của Quỹ phải thực hiện đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, nên nội dung này cơ quan tham mưu xây dựng ở dạng Phụ lục kèm theo Báo cáo để báo cáo HĐND tỉnh).*

10. Nội dung thứ mười

- **Ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh:** Tại mục 6.7 và 6.8: Thẩm quyền quyết định cho vay và giới hạn cho vay. Đề nghị thực hiện theo Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

- **Ý kiến của UBND tỉnh:** Tiếp thu và đã chỉnh sửa tại mục 6.8. Thẩm quyền quyết định cho vay và mục 6.9. Giới hạn cho vay của phần I thuộc Phần thứ ba của Đề án (theo nội dung Đề án đã được cơ cấu lại), cụ thể:

6.8. Thẩm quyền quyết định cho vay

a) Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh quyết định cho vay đối với phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân có mức vốn vay không quá 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh phê duyệt. Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh quy định mức cho vay tối đa cụ thể phân cấp cho Giám đốc quyết định tại Quy chế nội bộ về cho vay và quản lý nợ của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

b) Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh quyết định cho vay đối với phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân có mức vốn vay vượt thẩm quyền quyết định của Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho vay.

6.9. Giới hạn cho vay

a) Dư nợ cho vay đối với một khách hàng không được vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh phê duyệt.

b) Dư nợ cho vay đối với một phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh phê duyệt.

c) Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh trình Ban Thường vụ Hội nông

dân tỉnh quyết định giới hạn cho vay đối với từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân vượt giới hạn cho vay nêu trên.

Trên đây là nội dung UBND tỉnh báo cáo việc tiếp thu, giải trình, bổ sung, điều chỉnh theo ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh về dự thảo Nghị quyết thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bình Phước.

UBND tỉnh trân trọng báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(Kèm theo: Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, dự thảo Đề án đã tiếp thu, chỉnh sửa theo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh và Hồ sơ Tờ trình số 65-TTr/HNĐT ngày 30/11/2024 của Hội Nông dân tỉnh)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT HĐND tỉnh,
BTT UBMTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, TC, TP;
- Hội Nông dân tỉnh;
- VPUB: LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, PVX (Nga.719/24).



CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền



PHỤ LỤC
Dự kiến phương án hoạt động, quản lý tài chính
của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bình Phước,
năm 2025 và giai đoạn 2026-2030

(Kèm theo: Báo cáo số 434 /BC-UBND ngày 03 / 12 /2024
của UBND tỉnh Bình Phước)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch					
		2025	2026	2027	2028	2029	2030
A	Thu nhập	2.214	2.394	2.610	2.898	3.186	3.471
1	Thu lãi từ hoạt động cho vay vốn (Dự kiến 0,6%/ tháng; 7,2%/ năm)	2.211	2.391	2.607	2.895	3.183	2.892
2	Thu khác (lãi từ TK tiền gửi)	3	3	3	3	3	3
B	Chi phí	2.173	2.363	2.567	2.829	3.121	3.413
1	Chi phí hoạt động nghiệp vụ: Chi trả lãi được hưởng cho cấp huyện, xã. (Dự kiến cấp huyện 1,5%, cấp xã: 2,4%)	1.197	1.295	1.412	1.568	1.724	1.880
2	Chi cho hoạt động bộ máy: Chi cho người lao động; Chi hoạt động quản lý và công vụ (công tác phí; xăng xe đi giải ngân, thẩm định, kiểm tra VPP; thiết bị VP; cước phí bưu điện, điện thoại; hội nghị, hội thảo, tập huấn, đào tạo; kiểm tra, kiểm soát, kiểm toán...Các khoản chi phí khác theo quy định	600	670	730	800	900	1.000
3	Chi trích lập Quỹ dự phòng rủi ro	276	298	325	361	397	433
4	Chi bổ sung nguồn vốn	100	100	100	100	100	100

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: /NQ-HĐND

Dự thảo

(đã tiếp thu ý kiến thẩm tra
của Ban Pháp chế HĐND tỉnh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động
của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Thực hiện Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính
phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;

Xét Tờ trình số 155/TTr-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh; ý kiến thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh tại mục 5 Báo
cáo thẩm tra số 46/BC-HĐND-PC ngày 21 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án kiện toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông
dân tỉnh Bình Phước (Có Đề án kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội
đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng
nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước Khoá X, kỳ họp thứ ... thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Trung ương Hội Nông dân Việt Nam;
- TTTU, TT HĐND, UBND, BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh (đăng Công báo tỉnh);
- Lưu: VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, VT (kèm TK719).

CHỦ TỊCH

Dự thảo

(đã tiếp thu ý kiến thẩm tra
của Ban Pháp chế HĐND tỉnh)

ĐỀ ÁN

Kiến toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bình Phước
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../NQ-HĐND ngày... tháng... năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)

Phần thứ nhất

CƠ SỞ CHÍNH TRỊ, CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN

I. CƠ SỞ CHÍNH TRỊ

1. Kết luận số 61-KL/TW ngày 03/12/2009 của Ban Bí thư về Đề án “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam giai đoạn 2010- 2020”; Công văn số 1577-CV/VPTW ngày 20/8/2021 của Văn phòng Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 03/12/2009 của Ban Bí thư

2. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2023, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Nghị quyết 46-NQ/TW ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới”.

4. Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 20/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”.

5. Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Hội Nông dân Việt Nam trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn giai đoạn 2011-2020; Quyết định số 516/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10/5/2011.

6. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025.

7. Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 12/4/2023 của Tỉnh ủy Bình Phước về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

8. Kết luận số 389-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Hội Nông dân với các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025.

9. Chương trình hành động số 56-CTr/TU ngày 01/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước về thực hiện Nghị quyết 46-NQ/TW, ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về “đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới”.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
3. Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
4. Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
5. Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;
6. Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
7. Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân;
8. Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23/4/2024 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 20/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”.

III. CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Đánh giá kết quả tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bình Phước (trước khi Chính phủ ban hành Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023)

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh (sau đây viết tắt là Quỹ) được hình thành và hoạt động từ năm 1997 trên cơ sở Văn bản số 4035/KTTH ngày 26/7/1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân của Hội Nông dân Việt Nam và Quyết định số 80/QĐ-HND ngày 02/3/1996 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về thành lập Quỹ Hỗ trợ nông dân.

Quản lý điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định thành lập (Quyết định số 25B-QĐ/HNDT ngày 11/6/2013). Quỹ hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng. Hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, thực hiện theo Thông tư số 69/2013/TT-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Văn bản số 1396-TC/CĐKT ngày 02/5/1997 của Bộ Tài chính về tài chính, kế toán; Văn bản số 773/CV ngày 26/6/1996 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về nghiệp vụ tín dụng.

Qua các giai đoạn phát triển, đặc biệt là triển khai thực hiện Kết luận 61- KL/TW ngày 03/12/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Quyết định 673/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ; Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện xây dựng, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các văn bản về tổ chức, quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn củng cố, kiện toàn bộ máy tổ chức xây dựng, quản lý, điều hành hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp; chỉ đạo thực hiện chương trình phối hợp với

các ngân hàng, đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ, tư vấn hỗ trợ vốn cho nông dân; thiết lập được hệ thống văn bản nghiệp vụ quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân, như: Chế độ kế toán Quỹ, nghiệp vụ cho vay vốn, quy định chi tiêu tài chính trong hoạt động Quỹ. Qua đó tạo hành lang pháp lý trong việc bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả của Quỹ Hỗ trợ nông dân trên địa bàn tỉnh đúng quy định của pháp luật, phù hợp với đặc điểm, tính chất hoạt động của Hội Nông dân các cấp, đồng thời đẩy mạnh tăng trưởng phát triển nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân các cấp (từ tham mưu cấp ngân sách, vận động các nguồn vốn hợp pháp từ ngoài ngân sách để đáp ứng yêu cầu hoạt động giai đoạn mới và đạt được những kết quả ấn tượng trên các mặt tổ chức hệ thống, tăng trưởng nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn).

2. Kết quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

2.1. Tổ chức bộ máy hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

a) Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh: Chỉ đạo về chủ trương, định hướng hoạt động; quyết định cho vay các dự án của Quỹ Hỗ trợ nông dân do Hội Nông dân tỉnh quản lý; trình Trung ương Hội Nông dân Việt Nam phê duyệt các dự án nguồn Trung ương Hội (hoạt động như vai trò Hội đồng quản lý Quỹ).

b) Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

- Là cơ quan tham mưu, giúp Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh thực hiện quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh trong toàn hệ thống Hội của tỉnh theo các quy định hiện hành, đồng thời trực tiếp quản lý, điều hành nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

- Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh có 05 thành viên gồm các chức danh: Giám đốc; Kế toán; Cán bộ nghiệp vụ; Thủ Quỹ Hỗ trợ nông dân; Kiểm soát nội bộ.

+ Phân công 01 Ủy viên Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh chuyên trách Giám đốc Ban Điều hành Quỹ.

+ Các chức danh còn lại thực hiện theo chế độ hợp đồng và kiêm nhiệm, đảm bảo đúng quy định.

c) Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

- Là cơ quan giúp việc cho Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh trong công tác kiểm tra, kiểm soát, giám sát các hoạt động của Quỹ nhằm bảo đảm hoạt động Quỹ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh gồm có 03 thành viên hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2.2. Về phát triển nguồn vốn

Tính đến 31/12/2023, tổng nguồn vốn do Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh quản lý là **42.553,750** triệu đồng, bao gồm:

a) Vốn Trung ương ủy thác: 13.840 triệu đồng.

b) Vốn cấp tỉnh: 28.713,750 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn ngân sách tỉnh cấp: 27.000 triệu đồng.

- Nguồn vận động: 573,750 triệu đồng.

- Nguồn bổ sung từ phí hằng năm: 1.140 triệu đồng.

2.3. Về quản lý sử dụng vốn

- Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện cho vay theo dự án nhóm hộ cùng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ một loại sản phẩm; giúp hội viên nông dân mở rộng, nâng cao quy mô sản xuất và sản xuất hàng hóa, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng thu nhập, đồng thời phát triển hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn.

- Công tác cho vay vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện thống nhất trong toàn hệ thống theo quy định của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam; Điều lệ Quỹ Hỗ trợ nông dân và Hướng dẫn của Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương về nghiệp vụ cho vay vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân. Hiện nay nguồn vốn Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh cho vay tối đa là 100 triệu đồng/hộ/một dự án từ 300 triệu đồng đến 02 tỷ đồng với số hộ tham gia tối thiểu 10 hộ/dự án; thời gian vay tùy loại hình sản xuất, kinh doanh (theo chu kỳ cây, con), tối đa là 60 tháng.

- Từ khi thành lập đến nay, Quỹ đã hỗ trợ trên 2.800 lượt hộ hội viên nông dân vay vốn, với tổng doanh số cho vay đạt trên 126 tỷ đồng. Tính đến ngày 31/12/2023, dư nợ nguồn vốn Quỹ là: 41,9 tỷ đồng thông qua 93 dự án, cho 962 hộ hội viên vay vốn. Trong đó, tỷ trọng dự án cho vay chăn nuôi chiếm 34,4%, trồng trọt chiếm 65,6%. Nợ quá hạn hiện nay chiếm 0,51% tổng dư nợ cho vay, nợ quá hạn chủ yếu phát sinh trong giai đoạn năm 2010 đến năm 2014; hiện vẫn rà soát để xử lý theo quy định.

2.4. Hiệu quả từ hoạt động hỗ trợ vốn từ Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là một trong các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoạt động hiệu quả: hỗ trợ cho vay lãi suất thấp so với vay thương mại; mức cho vay phù hợp với mặt bằng sản xuất kinh doanh và khả năng chi trả của các đối tượng (từ 30 đến 100 triệu đồng/hộ); thời gian cho vay phù hợp (từ 24 đến 36 tháng); bảo đảm khả năng tiếp cận nguồn vốn của các đối tượng bằng việc đơn giản hóa thủ tục vay vốn với các điều kiện, tiêu chí phù hợp với đối tượng vay. Trong điều kiện nguồn lực tài chính còn hạn chế nhưng Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh đã tạo ra tác động to lớn, là điểm tựa hỗ trợ vốn cho nông dân, nguồn vốn được bảo toàn và phát triển, nợ quá hạn thấp (tỷ lệ 0,51%, các khoản nợ quá hạn này phát sinh từ năm 2010 đến 2014, từ năm 2014 đến nay không phát sinh nợ quá hạn), không có dự án phải khoanh nợ, gia hạn nợ. Những kết quả đạt được của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh từ khi thành lập đến nay được thể hiện qua các mặt sau:

a) Hiệu quả kinh tế

- Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh cho vay theo dự án nhóm hộ (cùng sản xuất, kinh doanh một loại hình sản phẩm, ngành nghề); đối tượng vay chủ yếu là các hộ trung bình, khá, có quyết tâm khát vọng làm giàu, nòng cốt phát huy tối đa hiệu quả vốn vay, tính tương trợ, đoàn kết giúp đỡ giữa các hộ vay, thông qua đó đã hình thành cách thức làm việc theo nhóm, thành lập các tổ hội nông dân nghề nghiệp, chi hội nông dân nghề nghiệp (97 chi, 220 tổ) là nền móng vững chắc của tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, những mắt xích quan trọng của liên kết hợp tác sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị trong phát triển kinh tế nông nghiệp, đóng góp tích cực vào quá trình chuyển đổi tư duy từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế nông nghiệp vì ba mục tiêu: năng suất cao, chất lượng cao, giá trị cao.

- Các dự án đều sử dụng vốn vay hiệu quả, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người vay, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm nông nghiệp, phát triển lên hợp tác xã hoạt động hiệu quả.

b) Hiệu quả chính trị: Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là kênh trợ vốn hữu hiệu, nơi chuyển tải kịp thời và hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đến đúng đối tượng thụ hưởng. Quỹ là công cụ, điều kiện quan trọng để Hội Nông dân thu hút, tập hợp, vận động hội viên nông dân tham gia sinh hoạt, củng cố niềm tin của hội viên với tổ chức hội; tiếp thêm nguồn lực nâng cao chất lượng công tác hội và phong trào nông dân. Nguồn vốn Quỹ đã góp phần vào thành công và lan tỏa phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững, trở thành điểm sáng trong đời sống kinh tế - xã hội ở nông thôn, thông qua đó đã xuất hiện nhiều tấm gương hội viên nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, mô hình kinh tế hiệu quả, khẳng định tổ chức hội là trung tâm và nòng cốt cho phong trào nông dân và xây dựng nông thôn mới.

c) Hiệu quả xã hội: Từ việc cho vay vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh đã góp phần phát triển kinh tế-xã hội của địa phương, nâng cao đời sống của nông dân, tăng thu nhập, giảm nghèo, nâng cao quy mô sản xuất và sản xuất hàng hóa, phát triển ngành nghề và các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn; tạo thêm việc làm mới, việc làm tại chỗ (gần 1.000 hội viên nông dân), hạn chế tình trạng ly hương, giúp nông dân ổn định, yên tâm, gắn bó làm giàu trên quê hương; hỗ trợ hội viên nông dân kịp thời về vốn sản xuất, kinh doanh hạn chế tình trạng “tín dụng đen” hoạt động trên địa bàn nông thôn, giảm tệ nạn xã hội góp phần ổn định chính trị, kinh tế, xã hội.

d) Hiệu quả môi trường: Thông qua các dự án vay vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, thực hiện chỉ tiêu thi đua hàng năm được Trung ương Hội Nông dân Việt Nam giao; đã có hơn 80.000 “hội viên nông dân tham gia sản xuất, kinh doanh nông sản, thực phẩm đăng ký, cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm”; Hội có điều kiện tuyên truyền, theo dõi để giúp đỡ hội viên nông dân đưa các sản phẩm an toàn, chất lượng đến tay người tiêu dùng.

e) Hiệu quả hoạt động tài chính: Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh hoạt động bảo toàn và phát triển nguồn vốn, là kênh dẫn vốn hiệu quả. Kết quả tài chính hàng năm bảo đảm theo kế hoạch, hiệu quả. Dư nợ năm sau cao hơn năm trước, không tồn đọng vốn; trong 10 năm trở lại đây không có nợ quá hạn, trích lập Quỹ Hỗ trợ nông dân dự phòng rủi ro bảo đảm đúng quy định (1.826 triệu đồng), kết chuyển kinh phí bổ sung nguồn vốn (1.140 triệu đồng). Quỹ chấp hành nghiêm túc pháp luật về đầu tư, quản lý, sử dụng vốn; chế độ báo cáo, giám sát tài chính đúng quy định.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, SỰ CẦN THIẾT, TÍNH KHẢ THI KIẾN TOÀN TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH

I. MỤC TIÊU

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, hỗ trợ hội viên nông dân xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân; thúc đẩy phát triển kinh tế hợp tác, các mô hình kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn; phát huy vai trò nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

2. Đổi mới mạnh mẽ phương thức đoàn kết, tập hợp nông dân vào tổ chức hội, góp phần xây dựng Hội Nông dân ngày càng vững mạnh; tổ chức tốt và nâng cao chất lượng, hiệu quả các phong trào nông dân, nhất là phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; phong trào thi đua “Cán bộ, hội viên nông dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể”; phát huy vai trò nòng cốt của hội nông dân trong phát triển nông nghiệp.

II. SỰ CẦN THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI

1. Sự cần thiết

Từ khi thành lập đến nay, hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh đã đạt được một số kết quả khả quan; nguồn vốn Quỹ trở thành công cụ, điều kiện quan trọng để Hội Nông dân tỉnh trực tiếp hỗ trợ hội viên nông dân thiếu vốn để sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nhằm tạo việc làm, cải thiện đời sống; xây dựng và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế nhằm nâng cao quy mô sản xuất; thúc đẩy việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất nông nghiệp để tạo ra các loại nông sản hàng hóa, dịch vụ đạt chất lượng, hiệu quả cao; tạo điều kiện để Hội Nông dân tỉnh đẩy mạnh hoạt động, tuyên truyền, tập hợp nông dân, thực hiện hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đối với phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân và xây dựng Hội vững mạnh.

Quỹ hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, hiệu quả, góp phần ổn định về chính trị, kinh tế, xã hội, thúc đẩy công tác xây dựng Hội và các phong trào nông dân rõ nét, nhất là phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững do Hội Nông dân phát động hằng năm. Góp phần tham gia chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở địa phương theo định hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Quỹ tiếp tục khẳng định vai trò trong việc kết nối, tập hợp hội viên nông dân cùng ngành nghề, lợi ích, chí hướng thoát nghèo, vươn lên làm giàu; hỗ trợ vốn cho hội viên nông dân tiếp tục phát triển sản xuất kinh doanh, liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm, tham gia chuyển dịch cơ cấu kinh tế, song song quan tâm hỗ trợ vốn cho các mô hình sản xuất nông nghiệp của nông dân trẻ khởi nghiệp, thành viên các tổ hợp tác, một số nông dân sản xuất kinh doanh giỏi sử dụng vốn có hiệu quả đã mở rộng quy mô. Việc xây dựng nhóm hộ cho vay đã phát huy thế mạnh ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của địa phương để xây dựng Chi, Tổ Hội nông dân nghề nghiệp phù hợp, đảm bảo theo tiêu chí “5 tự” (tự nguyện, tự giác, tự chủ, tự quản, tự chịu trách nhiệm) và “5 cùng” (cùng lĩnh vực lao động, ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; cùng mối quan tâm; cùng có sự chia sẻ; cùng trách nhiệm và cùng hưởng lợi) do Hội Nông dân phát động; đồng thời làm nền tảng cho việc thành lập Tổ Hợp tác, Hợp tác xã theo định hướng của Đảng và Nhà nước.

Hiện nay, nhu cầu vay vốn trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn rất lớn nhưng thực tế việc tiếp cận được nguồn vốn còn rất hạn chế, nhất là nông dân khu vực kinh tế hộ không đủ điều kiện vay vốn từ các Ngân hàng thương mại theo chính sách của Nhà nước đầu tư cho lĩnh vực nông nghiệp. Để chủ động hơn trong việc đổi mới phương thức hoạt động; tập hợp vận động nông dân thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước thông qua các mô hình phát triển kinh tế, giảm nghèo và làm giàu chính đáng, Hội Nông dân tỉnh cần xây dựng Quỹ Hỗ trợ nông dân lớn mạnh hơn nữa để ngang tầm với nhiệm vụ chính trị được giao.

Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân đã quy định Quỹ Hỗ trợ nông dân là quỹ tài

chính nhà nước ngoài ngân sách, do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Do đó, để bảo đảm đầy đủ căn cứ pháp lý cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh triển khai hoạt động, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh phải được “kiện toàn tổ chức, hoạt động” là cần thiết để góp phần thực hiện hiệu quả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh Bình Phước về phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

2. Tính khả thi tiếp tục triển khai hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

2.1. Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh tiếp tục phát huy hiệu quả việc góp phần thực hiện các chủ trương, nghị quyết, chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới tại địa phương

- Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra mục tiêu: “Phát triển nông nghiệp trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh và chuỗi giá trị, hướng vào các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, theo hướng cụm, ngành, sản xuất hàng hóa tập trung, theo tiêu chuẩn an toàn; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ”.

- Chương trình hành động số 40-CTr/TU ngày 12/4/2023 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 xác định: “Nông dân và người dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nông nghiệp phát triển hiện đại, sản xuất hàng hoá quy mô lớn, hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu ...”.

- Kết luận số 389-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Hội Nông dân với các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025: “Phát triển nông nghiệp sạch, gắn với áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất, chế biến, bảo quản nông sản để tăng giá trị sản phẩm; xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp quan trọng của tỉnh, nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường và tăng thu nhập cho người nông dân”.

- Chương trình hành động số 56-CTr/TU ngày 01/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết 46-NQ/TW, ngày 20/12/2023 của Bộ Chính trị về “đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nông dân Việt Nam đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới”, trong đó: “Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh nhằm hỗ trợ hội viên nông dân xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân; thúc đẩy phát triển kinh tế hợp tác, các mô hình kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn; phát huy vai trò nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới”.

- Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 23/4/2024 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 20/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030”, trong đó có nhiệm vụ: “hướng dẫn, hỗ trợ hội viên, nông dân thành lập, phát triển các Hợp tác xã, Tổ hợp tác nông nghiệp; Tư vấn, hỗ trợ vốn, tín dụng đối với các Chi, Tổ hội nông dân nghề nghiệp, Hợp tác xã, Tổ hợp tác nông nghiệp thông qua các hình thức kết nối với các tổ chức tín dụng, Quỹ phát triển Hợp tác xã, Quỹ Hỗ trợ nông dân...”

2.2. Ưu điểm tổ chức bộ máy hoạt động, quản lý của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

- Bộ máy tổ chức gọn, tiết kiệm chi phí, phần lớn chênh lệch thu chi từ hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân được sử dụng để bổ sung vốn hoạt động, tiếp tục cho vay quay vòng.

- Cách thức tổ chức hoạt động cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh đơn giản nhưng hiệu quả nhờ tận dụng lợi thế mạng lưới rộng khắp của tổ chức Hội Nông dân các cấp. Chất lượng cho vay của Quỹ được đảm bảo, tỷ lệ nợ xấu thấp.

- Cán bộ Hội Nông dân tỉnh thực hiện công tác quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân được đào tạo cơ bản, có kinh nghiệm thực tế; nắm rõ địa bàn, thẩm định cho vay sát thực tế, đúng quy định và thường xuyên theo dõi các hộ vay vốn sử dụng vốn vay đảm bảo đúng mục đích, quản lý vốn vay hiệu quả.

2.3. Nhu cầu hỗ trợ vốn của Hội viên nông dân trong tỉnh

- Hiện tỉnh có gần 80.000 hội viên nông dân sinh hoạt ở 847 Chi hội nông dân, 111 cơ sở hội; trên 28.000 hộ nông dân đạt danh hiệu sản xuất, kinh doanh giỏi các cấp.

- Hiện nay nguồn vốn của Quỹ mới chỉ đáp ứng được nhu cầu vay vốn của khoảng 02% số hộ nông dân, 20% các mô hình liên kết sản xuất do Hội Nông dân hướng dẫn thành lập. Thực tế các mô hình kinh tế tập thể rất khó khăn trong việc tiếp cận được nguồn vốn tín dụng chính sách hỗ trợ từ các ngân hàng vì không bảo đảm các tiêu chí được vay vốn, do đó Quỹ là kênh dẫn vốn tín dụng quan trọng để Hội nông dân các cấp hiện thực hoá chủ trương, chính sách hỗ trợ tín dụng của Đảng và Nhà nước đối với nông dân.

2.4. Tác động của việc kiện toàn tổ chức bộ máy, hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

a) Về mặt kinh tế

- Tạo điều kiện cho hội viên nông dân được vay vốn thuận lợi, với lãi suất ưu đãi. Với nguồn tài chính dễ tiếp cận các hộ nông dân sẽ phát huy hiệu quả nguồn vốn, đầu tư sản xuất kinh doanh, mở rộng ngành nghề, tham gia các hình thức kinh tế tập thể ở nông thôn, thúc đẩy ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ vào sản xuất, khai thác tiềm năng thế mạnh ở từng địa phương, tạo ra nông sản hàng hóa, dịch vụ chất lượng, hiệu quả cao, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, xây dựng nông thôn mới.

- Giải quyết được vấn đề việc làm của nông dân, thu hút được đông đảo lực lượng lao động dồi dào khu vực nông thôn tham gia sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, hiệu quả lao động, tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người dân.

- Hỗ trợ các hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi mạnh dạn đầu tư, ứng dụng công nghệ mới, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu, chuỗi giá trị sản phẩm bền vững; xây dựng và nhân rộng các mô hình mới, mô hình điển hình tiên tiến, tạo sự lan toả trong kinh tế nông nghiệp.

b) Về chính trị- xã hội

- Duy trì và phát triển một kênh hỗ trợ tín dụng ưu đãi hết sức quan trọng về nguồn vốn đối với hội viên, nông dân góp phần hiện thực hoá chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế hộ, kinh tế nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, góp phần khẳng định chủ trương, chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước trong phát triển đất nước, gắn tăng trưởng

kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm bình đẳng về cơ hội tiếp cận và được thụ hưởng thành quả của phát triển kinh tế - xã hội, không ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển.

- Tăng cường tình đoàn kết, chia sẻ, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong hội viên, nông dân, tạo sự ổn định xã hội ở nông thôn; hạn chế chuyển dịch lao động từ nông thôn ra thành phố; thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và thành thị; góp phần thực hiện thành công các mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, biên giới.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của tổ chức hội nông dân, thực hiện tốt giải pháp về nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng, hỗ trợ vốn cho nông dân, mở rộng mô hình hội nông dân tín chấp cho nông dân vay vốn phát triển sản xuất, góp phần đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của Hội theo hướng thiết thực, hiệu quả; nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, ý thức, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Hội; khẳng định vai trò trung tâm, nòng cốt của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

Như vậy, với những lợi ích đem lại cho người nông dân và tổ chức Hội Nông dân cũng như những tác động chính trị- xã hội, có thể khẳng định việc kiện toàn tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là giải pháp cơ bản, quan trọng và đúng đắn, góp phần phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, nông dân văn minh.

Phần thứ ba

NỘI DUNG KIẾN TOÀN TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH

I. NỘI DUNG KIẾN TOÀN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

1. Tên gọi, địa chỉ trụ sở

1.1. Tên gọi và địa điểm trụ sở chính

- a) Tên gọi đầy đủ: Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bình Phước.
- b) Tên viết tắt: Quỹ HTND tỉnh Bình Phước.
- c) Tên giao dịch quốc tế: Binh Phuoc Supporting Fund for Famers.
- d) Địa chỉ trụ sở chính: Đặt tại cơ quan Hội Nông dân tỉnh Bình Phước, số 838 Quốc lộ 14, phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

1.2. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và người đại diện pháp luật

a) Địa vị pháp lý: Quỹ Hỗ trợ nông dân là Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc cơ quan Hội Nông dân tỉnh Bình Phước; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/ 2023 của Chính phủ về “thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân.

b) Tư cách pháp nhân: Quỹ Hỗ trợ nông dân có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

c) Người đại diện pháp luật: Là Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

2. Nguyên tắc, mục tiêu, phạm vi hoạt động và chức năng, nhiệm vụ của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

2.1. Nguyên tắc hoạt động

- a) Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, công khai, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn.
- b) Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.
- c) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

2.2. Mục tiêu hoạt động của Quỹ

- a) Hỗ trợ hội viên, nông dân xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho nông dân.
- b) Tạo nguồn lực, điều kiện, công cụ để đoàn kết, tập hợp nông dân vào tổ chức hội, góp phần xây dựng hội và phong trào nông dân.

2.3. Phạm vi hoạt động của Quỹ: Trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2.4. Chức năng, nhiệm vụ của Quỹ

- a) Tham mưu cho Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh Bình Phước về xây dựng, quản lý, phát triển Quỹ Hỗ trợ nông dân toàn tỉnh.
- b) Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn điều lệ được cấp từ ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật.
- c) Vận động các nguồn ủng hộ, tài trợ, viện trợ không hoàn lại cho hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.
- d) Cho vay vốn đối với hội viên Hội Nông dân để xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất, kinh doanh.
- đ) Nhận ủy thác từ Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, nhận ủy thác cho vay của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- e) Ủy thác cho Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp dưới thực hiện nhiệm vụ cho vay.
- f) Thực hiện các nhiệm vụ khác được Ban Thường vụ, Thường trực Hội Nông dân tỉnh Bình Phước giao và cấp có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

3.1. Trách nhiệm

- a) Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.
- b) Thực hiện các quy định về lập, chấp hành, quyết toán, kiểm toán ngân sách nhà nước đối với phần vốn ngân sách nhà nước tại Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.
- c) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định pháp luật.

3.2. Quyền hạn của Quỹ

a) Tổ chức hoạt động phù hợp với mục tiêu, phạm vi hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

b) Được lựa chọn các phương án vay vốn đáp ứng đủ điều kiện để cho vay theo quy định của pháp luật.

c) Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo, sử dụng lao động theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân và các quy định của pháp luật liên quan.

d) Được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

đ) Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan để vận động nguồn vốn hợp pháp tài trợ cho hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, đảm bảo đúng quy định.

4. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

4.1. Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh xây dựng dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân, trình Ban Thường vụ Hội nông dân tỉnh phê duyệt trên cơ sở Điều lệ mẫu do Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam ban hành.

4.2. Điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện theo các nội dung cơ bản được quy định tại điều khoản 1, điều 8 Chương II Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/ 2023 của Chính phủ về “thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân.

5. Cơ cấu tổ chức bộ máy và nhân sự của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Quỹ Hỗ trợ nông dân gồm: Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân, Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân, Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc.

5.1. Hội đồng quản lý của Quỹ

a) Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định, có tối đa 05 thành viên là cán bộ của Hội Nông dân tỉnh kiêm nhiệm.

- Chủ tịch Hội đồng là 01 Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh.

- 04 thành viên Hội đồng, gồm: 01 Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh và 03 thành viên.

b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ.

c) Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng, đảm bảo đúng quy định.

d) Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

- Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

- Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 năm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phụ trách về một trong các lĩnh vực: kinh tế; tài chính; ngân hàng; nông nghiệp và phát triển nông thôn; quản trị kinh doanh; luật; kế toán; kiểm toán.

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Hội Nông dân tỉnh Bình Phước và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

đ) Thành viên khác của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh phải có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm quản lý một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể đối với thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

e) Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý được quy định cụ thể tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, đảm bảo một số nội dung sau:

- Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Trường hợp không tổ chức họp, việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản lý được thực hiện bằng văn bản.

- Các kết luận của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được thể hiện bằng Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản lý.

- Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có 01 phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% trong tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

f) Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được sử dụng con dấu của Hội nông dân tỉnh.

g) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý bao gồm:

- Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Hội nông dân tỉnh về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm, trung hạn và dài hạn của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, trình Ban Thường vụ Hội nông dân tỉnh phê duyệt.

- Ban hành hoặc sửa đổi quy chế hoạt động nghiệp vụ và các quy chế nội bộ khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh đã được ban hành.

- Giám sát, kiểm tra ban điều hành của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh trong việc chấp hành các chính sách pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

- Quyết định mức lãi suất cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh trong từng thời kỳ theo quy định.

- Phê duyệt cho vay, quyết định phương án vận động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền.

- Thông qua báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các Quỹ Hỗ trợ nông dân hằng năm của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Kiểm soát để trình Ban Thường vụ Hội nông dân tỉnh phê duyệt.

- Trình Ban Thường vụ Hội nông dân tỉnh quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

- Trình Ban Thường vụ Hội nông dân tỉnh phê duyệt phương án bố trí nhân sự để thành lập bộ máy hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

- Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

- Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

h) Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản lý

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo quy chế hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Hội nông dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Chỉ đạo chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; chương trình, nội dung và tài liệu họp Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý về nội dung liên quan đến hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

- Triệu tập và chủ trì các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

- Chỉ đạo giám sát việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

- Ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

5.2. Ban Kiểm soát Quỹ

a) Thành viên Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là cán bộ Hội Nông dân tỉnh, do Ban Thường vụ Hội nông dân tỉnh bổ nhiệm, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, giúp Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh kiểm soát việc tổ chức, quản lý điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

b) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát do Ban Thường vụ Hội nông dân tỉnh quyết định căn cứ vào quy mô, tính chất và thực tế hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh nhưng tối đa không quá 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên là Trưởng ban.

c) Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là 05 năm, có thể được bổ nhiệm lại nhưng tối đa không quá 02 nhiệm kỳ.

d) Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

- Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

- Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm làm việc ít nhất 03 năm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, kinh tế, luật.

- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Hội Nông dân tỉnh quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

d) Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách chế độ, Điều lệ tổ chức, hoạt động và các quy chế hoạt động, nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

- Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

- Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, kế hoạch tài chính và việc trích lập các Quỹ Hỗ trợ nông dân theo quy định của pháp luật.

- Lập kế hoạch hoạt động; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra; thực hiện nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh giao.

e. Chế độ hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ; trách nhiệm, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân; mối quan hệ giữa Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân với các tổ chức, cá nhân có liên quan và các nội dung khác: thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ Hỗ trợ nông dân do Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam ban hành, áp dụng cho toàn hệ thống Quỹ Hỗ trợ nông dân.

5.3. Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

Bao gồm các chức danh: Giám đốc, từ 01 - 02 Phó Giám đốc, 01 kế toán trưởng, thủ Quỹ Hỗ trợ nông dân, bộ phận nghiệp vụ... (thực hiện bố trí, sắp xếp đáp ứng yêu cầu công việc theo từng giai đoạn).

a) Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh: Do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định, là người đại diện theo pháp luật của Quỹ Hỗ trợ nông dân, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bình Phước.

- Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân:

+ Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

+ Có trình độ đại học trở lên về một trong các chuyên ngành: kinh tế, tài chính, ngân hàng, nông nghiệp và phát triển nông thôn, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

+ Có kinh nghiệm công tác tại Quỹ Hỗ trợ nông dân và lĩnh vực liên quan ít nhất 03 năm.

+ Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Hội Nông dân tỉnh quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh:

+ Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân theo quy định, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân và các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh.

+ Trình Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ Hỗ trợ nông dân theo thẩm quyền.

+ Trực tiếp quản lý tài sản, nguồn vốn hoạt động và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

+ Phê duyệt cho vay, quyết định phương án vận động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền.

+ Quyết định tuyển dụng nhân sự dưới hình thức hợp đồng lao động để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

+ Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân và quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

b) Phó Giám đốc Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh: Do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định, là Phó các Ban chuyên môn hoặc chuyên viên Ban chuyên môn Hội Nông dân tỉnh kiêm nhiệm

- Tiêu chuẩn, điều kiện, thẩm quyền bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Phó Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

- Giúp Giám đốc điều hành hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

c) Kế toán trưởng Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh

- Kế toán trưởng của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn, văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể và thẩm quyền bổ nhiệm Kế toán trưởng của Quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

- Có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giám sát tài chính tại Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của pháp luật liên quan.

d) Bộ máy giúp việc của Quỹ: Là cán bộ thuộc các Ban chuyên môn Hội Nông dân tỉnh kiêm nhiệm do Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh quyết định; người lao động được Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh tuyển dụng dưới hình thức hợp đồng lao động... đảm nhiệm các công việc chuyên môn, nghiệp vụ; tham mưu, giúp việc cho Ban điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

6. Hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh sau kiện toàn

6.1. Nguồn vốn điều lệ Quỹ Hỗ trợ nông dân tại thời điểm kiện toàn (31/12/2024):

Tổng số 32.539,780 triệu đồng; trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách cấp: 29.000 triệu đồng.
- Bổ sung từ kết quả hoạt động: 1.140 triệu đồng.
- Nguồn vốn tự vận động: 573,750 triệu đồng.
- Quỹ Hỗ trợ nông dân dự phòng rủi ro: 1.826,030 triệu đồng.

6.2. Kế hoạch vốn và sử dụng vốn năm 2025 và giai đoạn 2026-2030

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Nguồn vốn	Chỉ tiêu						Tổng số
a) Kế hoạch xây dựng nguồn vốn								
1	Ngân sách tỉnh bổ sung hằng năm	2025	2026	2027	2028	2029	2030	
		2.500	3.000	3.500	4.000	4.000	4.000	21.000
b) Kế hoạch sử dụng vốn								
1	Số lượng dự án cho vay	05	06	07	04	04	04	30
2	Số hộ vay	50	60	70	40	40	40	300
3	Trung bình vốn /Dự án (tr.đ)	500	500	500	1.000	1.000	1.000	

6.3. Khả năng vận động vốn ngoài ngân sách

Giai đoạn tiếp theo, Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh tăng cường các hoạt động kêu gọi ủng hộ từ các tổ chức, cá nhân; đồng thời xây dựng kế hoạch hoạt động tài chính hiệu quả để bổ sung nguồn vốn hoạt động, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

6.4. Đối tượng và điều kiện cho vay

a) Đối tượng vay vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh là hội viên Hội Nông dân Việt Nam có nhu cầu vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp.

b) Điều kiện để được vay vốn của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh:

- Khách hàng vay vốn phải thuộc đối tượng vay vốn theo quy định, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật; được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận cư trú tại địa phương nơi Quỹ Hỗ trợ nông dân cho vay vốn.

- Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp.

- Phương án vay vốn của khách hàng phải được tập hợp thành phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân cùng sản xuất, kinh doanh một loại hình sản phẩm, trên cùng một địa bàn cấp xã. Phương án vay vốn của từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân được Quỹ Hỗ trợ nông dân đánh giá là khả thi, có khả năng trả được nợ vay.

- Tại một thời điểm, một khách hàng chỉ được vay vốn tại 01 (một) phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân từ Quỹ Hỗ trợ nông dân.

- Các thành viên trong cùng một hộ gia đình không được phát sinh dư nợ vay tại Quỹ Hỗ trợ nông dân trong cùng một thời điểm.

- Các điều kiện cho vay khác quy định cụ thể tại quy định nội bộ về cho vay và quản lý nợ của Quỹ Hỗ trợ nông dân do Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh ban hành theo quy định tại Nghị định 37/2023/NĐ-CP và Điều lệ Quỹ Hỗ trợ nông dân.

- Mức vốn cho vay: Căn cứ vào phương án sử dụng vốn vay, khả năng tài chính, khả năng hoàn trả vốn vay, bảo đảm tiền vay của khách hàng và giới hạn cho vay quy định tại Nghị định 37/2023/NĐ-CP và Điều lệ Quỹ Hỗ trợ nông dân, Quỹ Hỗ trợ nông dân xem xét, quyết định mức vốn cho vay cụ thể cho từng khách hàng, phù hợp với khả năng nguồn vốn và năng lực tài chính của Quỹ Hỗ trợ nông dân, và Quy định mức cho vay của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam quy định áp dụng chung cho toàn hệ thống Quỹ Hỗ trợ nông dân.

6.5. Thời hạn cho vay, gia hạn nợ

a) Thời hạn cho vay đối với phương án của từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân tại Quỹ Hỗ trợ nông dân được xác định trên cơ sở khả năng thu hồi vốn, phù hợp với chu kỳ sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa không vượt quá 05 (năm) năm (không bao gồm thời gian gia hạn nợ).

b) Tổng thời gian gia hạn nợ tối đa không quá 1/2 thời gian cho vay tại Hợp đồng tín dụng ký kết lần đầu.

6.6. Lãi suất cho vay và đồng tiền cho vay

a) Lãi suất cho vay của Quỹ Hỗ trợ nông dân được xác định trong từng thời kỳ, theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp đủ chi phí quản lý và các chi phí khác có liên quan đến hoạt động cho vay. Căn cứ nguyên tắc xác định lãi suất cho vay, Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh quyết định mức lãi suất cho vay cụ thể của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh trong từng thời kỳ.

b) Đồng tiền cho vay, thu nợ, thu lãi là Đồng Việt Nam (VNĐ).

6.7. Bảo đảm tiền vay: Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh và khách hàng vay vốn thỏa thuận biện pháp bảo đảm tiền vay phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân quy định cụ thể về các hình thức bảo đảm tiền vay tại quy chế nội bộ về cho vay và quản lý nợ của Quỹ Hỗ trợ nông dân.

6.8. Thẩm quyền quyết định cho vay

a) Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh quyết định cho vay đối với phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân có mức vốn vay không quá 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh phê duyệt. Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh quy định mức cho vay tối đa cụ thể phân cấp cho Giám đốc quyết định tại quy chế nội bộ về cho vay và quản lý nợ của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

b) Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh quyết định cho vay đối với phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân có mức vốn vay vượt thẩm quyền

quyết định của Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho vay.

6.9. Giới hạn cho vay

a) Dư nợ cho vay đối với một khách hàng không được vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh phê duyệt.

b) Dư nợ cho vay đối với một phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh phê duyệt.

c) Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh trình Ban Thường vụ Hội nông dân tỉnh quyết định giới hạn cho vay đối với từng khách hàng và phương án chung của nhóm hội viên Hội nông dân vượt giới hạn cho vay nêu trên.

6.10. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Thực hiện theo Điều 20 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân.

6.11. Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro cho vay

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với các khoản cho vay chịu rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro cho vay theo quy định áp dụng đối với tổ chức tài chính vi mô, phù hợp với đặc thù hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Đối với những khoản nhận uỷ thác cho vay mà Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh không chịu rủi ro thì không trích lập dự phòng rủi ro.

c) Tối thiểu sau 05 năm, kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và đã thực hiện tất cả các biện pháp xử lý rủi ro để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được nợ, căn cứ đề nghị của Hội đồng xử lý rủi ro của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thì Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh quyết định xuất toán khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng trên cơ sở phê duyệt của Ban Thường vụ Hội Nông dân tỉnh, sau khi báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, cho ý kiến chỉ đạo.

6.12. Hội đồng xử lý rủi ro

a) Hội đồng xử lý rủi ro bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng xử lý rủi ro.

- Các thành viên gồm: Trưởng Ban Kiểm soát; Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

b) Nhiệm vụ của Hội đồng xử lý rủi ro

- Định kỳ hàng quý xem xét việc đánh giá phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro do Giám đốc Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh báo cáo.

- Quyết định về việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.

- Quyết định phương án thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, trong đó phải xác định rõ thời gian, biện pháp để thu hồi nợ.

- Theo dõi tình hình thực hiện thu hồi nợ đối với các khoản nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.

- Chuẩn bị thủ tục, hồ sơ để xuất toán các khoản nợ đã chuyển theo dõi ngoại bảng để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

- Xây dựng quy chế hoạt động của Hội đồng xử lý rủi ro trình Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh ký ban hành.

6.13. Hoạt động nhận ủy thác

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn cho vay và thu hồi nợ từ ngân sách nhà nước, từ các ngân hàng chính sách, từ Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương và từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách khác có cùng đối tượng hỗ trợ tại địa phương.

b) Đồng tiền nhận ủy thác cho vay là Đồng Việt Nam (VNĐ).

c) Việc nhận ủy thác của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền hoặc hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh với tổ chức, cá nhân ủy thác.

d) Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh có trách nhiệm hạch toán, theo dõi riêng vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

đ) Đối với phương án vay vốn sử dụng nguồn vốn nhận ủy thác có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định tại Nghị định 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với bên ủy thác.

e) Ban Điều hành Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh ban hành quy chế nhận ủy thác quy định cụ thể phạm vi, đối tượng, thẩm quyền, trách nhiệm của từng cấp trong quản lý vốn nhận ủy thác cho vay và các nội dung khác theo quy định tại Nghị định 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ và pháp luật liên quan.

6.14. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

a) Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b) Năm tài chính của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

c) Báo cáo tài chính năm của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Kiểm toán nhà nước theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

6.15. Chế độ báo cáo

Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh lập và gửi các báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo tài chính định kỳ 6 tháng, hằng năm gửi Hội Nông dân tỉnh để tổng hợp, báo cáo Ủy ban

nhân dân tỉnh, Quỹ Hỗ trợ nông dân Trung ương và cơ quan có thẩm quyền theo đúng quy định. Chi tiết các loại báo cáo và thời hạn báo cáo thực hiện theo Điều 37 Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ.

Phần thứ 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. HỘI NÔNG DÂN TỈNH

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở, ngành, đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra, giám sát và hướng dẫn hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo đúng quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chỉ đạo quản lý nguồn vốn ngân sách nhà nước tại Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ và pháp luật có liên quan, bảo đảm đúng quy định, an toàn và phát triển vốn; vận động, phát triển nguồn vốn hợp pháp ngoài ngân sách để bổ sung vốn cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, đảm bảo đúng theo quy định.

3. Phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

4. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức vốn điều lệ của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh trong từng thời kỳ, sau khi có ý kiến thống nhất với Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư, đảm bảo đúng quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 và pháp luật liên quan.

5. Hằng năm, báo cáo Sở Tài chính tình hình thực hiện kế hoạch tài chính, kế hoạch tài chính năm sau và quyết toán thu, chi Quỹ Hỗ trợ nông dân.

6. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và cấp có thẩm quyền về hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân theo định kỳ quy định hoặc khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

7. Phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính năm, trung hạn và dài hạn của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh; phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các Quỹ Hỗ trợ nông dân hằng năm theo quy định.

8. Bố trí nhân sự thuộc cơ quan Hội Nông dân tỉnh để thành lập bộ máy hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP của Chính phủ, Đề án tổ chức và hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

9. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh và các huyện, thị, thành phố về hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân trên địa bàn tỉnh.

10. Hằng năm, thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người quản lý Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh Bình Phước.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ và pháp luật có liên quan, đảm bảo đúng quy định.

II. SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

1. Trên cơ sở đề nghị của Hội Nông dân tỉnh; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cân đối, bố trí dự toán chi ngân sách nhà nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước.

2. Theo dõi, giám sát tình hình sử dụng vốn ngân sách địa phương cấp cho Quỹ Hỗ trợ nông dân theo quy định của Luật Đầu tư công và quy định pháp luật liên quan.

III. SỞ TÀI CHÍNH

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Hội Nông dân tỉnh và đơn vị liên quan thống nhất dự toán trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức vốn điều lệ trong từng thời kỳ.

2. Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính theo văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Trên cơ sở báo cáo tài chính hằng năm của Hội Nông dân tỉnh, thực hiện thẩm định, quyết toán thu, chi Quỹ Hỗ trợ nông dân; đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh.

IV. SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn việc quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động và người quản lý của Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh theo văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thực hiện cơ chế tiền lương đối với Quỹ Hỗ trợ nông dân.

V. ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

Kiểm toàn tổ chức và hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân cấp huyện theo Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với Hội Nông dân cấp xã và đơn vị liên quan lựa chọn các mô hình, dự án cho vay vốn phát triển sản xuất phù hợp với điều kiện của địa phương, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho nông dân. Đồng thời phối hợp kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động Quỹ Hỗ trợ nông dân trên địa bàn.

VI. QUỸ HỖ TRỢ NÔNG DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Quản lý nguồn vốn ngân sách nhà nước tại Quỹ Hỗ trợ nông dân theo đúng quy định tại Nghị định số 37/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ và pháp luật có liên quan, bảo đảm đúng quy định, an toàn và phát triển vốn; vận động, phát triển nguồn vốn hợp pháp ngoài ngân sách để bổ sung vốn cho Quỹ Hỗ trợ nông dân, đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật./.
